

MÃ ĐỀ 001

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:Lớp:Phòng thi:

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Liên bang Nga giáp với các đại dương nào sau đây?

- A. Ấn Độ Dương, Thái Bình Dương. B. Bắc Băng Dương, Đại Tây Dương.
C. Thái Bình Dương, Bắc Băng Dương. D. Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương.

Câu 2. Dãy núi U-ran là nơi tập trung nhiều

- A. dầu mỏ. B. than đá. C. kim cương. D. khí tự nhiên.

Câu 3. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với dân cư Hoa Kỳ hiện nay?

- A. Rất ít người nhập cư từ châu Á. B. Số dân đông thứ ba thế giới.
C. Nhiều dân nhập cư từ châu Âu. D. Thành phần dân cư đa dạng.

Câu 4. Liên bang Nga xuất khẩu nhiều nhất là

- A. máy móc và dược phẩm, B. xe cộ, đá quý, chất dẻo.
C. dầu thô và khí tự nhiên. D. sản phẩm điện, điện tử.

Câu 5. Dãy U-ran được xem là ranh giới tự nhiên của

- A. hai châu lục Á-Âu trên lãnh thổ Liên bang Nga.
B. đồng bằng Đông Âu và cao nguyên Trung Xi-bia.
C. hai bán cầu Đông - Tây trên lãnh thổ Liên bang Nga.
D. phần lãnh thổ phía Đông và phần lãnh thổ phía Tây.

Câu 6. Nền kinh tế Hoa Kỳ phát triển cao **không** phải do

- A. thu hút nhiều nguồn đầu tư nước ngoài.
B. đẩy mạnh đầu tư nghiên cứu phát triển.
C. phát triển cao độ nền kinh tế thị trường.
D. lao động năng suất cao, tiêu dùng nhiều.

Câu 7. Đặc điểm nào sau đây không thể hiện Liên bang Nga là một đất nước rộng lớn?

- A. Đất nước trải dài từ đông sang tây, trên 11 múi giờ.
B. Đường bờ biển dài, giáp nhiều đại dương và biển.
C. Diện tích lớn nhất thế giới, nằm trên hai châu lục.
D. Có các đới khí hậu, nhiều kiểu khí hậu khác nhau.

Câu 8. Năm 2020, dân số Hoa Kỳ đứng sau

- A. Ấn Độ và In-đô-nê-xi-a. B. Trung Quốc và Liên bang Nga.
C. Bra-xin và Trung Quốc. D. Trung Quốc và Ấn Độ.

Câu 9. Lãnh thổ Liên bang Nga không giáp với biển nào sau đây?

- A. Ca-xpi. B. Biển Đen. C. Ban-tích. D. Địa Trung Hải.

Câu 10. Liên bang Nga nhập khẩu chủ yếu là

- A. dầu thô và khí tự nhiên. B. xe cộ, đá quý, chất dẻo.
C. máy móc và dược phẩm. D. kim loại quý và sắt thép.

Câu 11. Phần lãnh thổ nào sau đây không thuộc Hoa Kỳ?

- A. Quần đảo Ha-oai. B. Phần ở trung tâm Bắc Mỹ.
C. Quần đảo Ăng-ti Lớn. D. Bán đảo A-la-xca.

Câu 12. Vị trí địa lí của Hoa Kỳ nằm ở

A. tiếp giáp với Cu Ba.

C. bán cầu Tây.

B. bán cầu Nam.

D. tiếp giáp Ấn Độ Dương.

Câu 13. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với dân cư Hoa Kỳ hiện nay?

A. Gia tăng tự nhiên thấp.

C. Cơ cấu dân số trẻ.

B. Tuổi thọ trung bình cao.

D. Nhóm tuổi trên 65 tăng.

Câu 14. Dầu mỏ của Nga tập trung nhiều ở

A. cao nguyên Trung Xi-bia.

C. đồng bằng Tây Xi-bia.

B. ven Bắc Băng Dương.

D. đồng bằng Đông Âu.

Câu 15. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với dân cư Hoa Kỳ?

A. Dân nhập cư hầu hết là người châu Á.

B. Người dân Mỹ Latinh nhập cư nhiều.

C. Dân số tăng nhanh nhờ nhiều vào nhập cư.

D. Quy mô số dân đứng thứ ba thế giới.

Câu 16. Ích lợi của dân nhập cư đến Hoa Kỳ **không** phải chủ yếu là mang lại

A. nguồn tri thức.

C. bản sắc văn hóa.

B. nguồn vốn.

D. lực lượng lao động.

Câu 17. Trung tâm Bắc Mỹ của Hoa Kỳ tiếp giáp với

A. Ấn Độ Dương, Thái Bình Dương, Mê-hi-cô, Ca-na-đa.

B. Nam Đại Dương, Thái Bình Dương, Mê-hi-cô, Ca-na-đa.

C. Đại Tây Dương, Thái Bình Dương, Mê-hi-cô, Ca-na-đa.

D. Bắc Băng Dương, Thái Bình Dương, Mê-hi-cô, Ca-na-đa.

Câu 18. Đặc điểm nào sau đây đúng với phần phía Tây của nước Nga?

A. Có đồng bằng Đông Âu tương đối cao.

C. Có nguồn khoáng sản và lâm sản lớn.

B. Có nguồn trữ năng thủy điện lớn.

D. Phần lớn là núi và cao nguyên.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

**TỔNG SỐ DÂN, SỐ DÂN THÀNH THỊ VÀ SỐ DÂN NÔNG THÔN
CỦA THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 1980 - 2022 (Đơn vị: triệu người)**

Năm	1980	1995	2015	2022
Thế giới	3800	5372	6975	7800
Thành thị	1554	2290	3595	4380
Nông thôn	2246	3037	3362	3420

a) Số dân thành thị của thế giới tăng liên tục qua các năm.

b) Từ năm 1980 đến năm 2022 số dân nông thôn giảm.

c) Tỷ lệ dân thành thị năm 2015 cao hơn so với năm 2022.

d) Năm 2022 số dân thành thị lớn hơn số dân nông thôn 960 triệu người.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU GDP PHÂN THEO NGÀNH KINH TẾ CỦA HOA KỲ VÀ ẤN ĐỘ, NĂM 2020

(Đơn vị: %)

Quốc gia		
Ngành kinh tế	Hoa Kỳ	Ấn Độ
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	0,9	18,3
Công nghiệp và xây dựng	18,1	23,5
Dịch vụ	81,0	58,2

a) Tỷ trọng ngành dịch vụ của Hoa Kỳ cao gấp hơn 2 lần so với tỷ trọng ngành dịch vụ của Ấn Độ.

b) Tỷ trọng nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản thấp nhất trong cơ cấu GDP của Ấn Độ nhưng cao hơn Hoa Kỳ.

c) Ngành công nghiệp và xây dựng của hai quốc gia đều chiếm tỷ trọng lớn thứ 2.

d) Năm 2020 ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu GDP của Hoa Kỳ.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Nền kinh tế Hoa Kỳ có ảnh hưởng lớn đến các nước trên thế giới. Những biến động lớn của kinh tế Hoa Kỳ trong lĩnh vực thị trường tài chính, xuất nhập khẩu, ... đều tác động lớn đến nền kinh tế thế giới. Nhiều lĩnh vực kinh tế của Hoa Kỳ (nhất là lĩnh vực công nghệ cao) đứng đầu và mang tính dẫn dắt đối với nền kinh tế thế giới như: công nghệ - thông tin, hàng không - vũ trụ. Nhiều sản phẩm kinh tế của Hoa Kỳ đứng đầu thế giới về quy mô và giá trị.

a) Nền kinh tế Hoa Kỳ có ảnh hưởng lớn đến các nước trên thế giới.

b) Ngành công nghệ thông tin của Hoa Kỳ là ngành kinh tế mang tính dẫn dắt đối với nền kinh tế thế giới.

c) New York là trung tâm tài chính số một thế giới.

d) Năm 2024, Hoa Kỳ không còn là nước có quy mô nền kinh tế lớn nhất thế giới.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Liên bang Nga rất giàu tài nguyên khoáng sản, bao gồm các loại khoáng sản năng lượng, kim loại, phi kim loại như than đá, dầu mỏ, khí tự nhiên, kim cương, vàng, thiếc, ... Dầu mỏ, khí tự nhiên có trữ lượng hàng đầu thế giới tập trung nhiều nhất ở đồng bằng Tây Xi-bia. Than tập trung nhiều nhất ở U-ran và phía đông.

a) Liên bang Nga có nguồn tài nguyên khoáng sản đa dạng, nhiều loại trữ lượng lớn.

b) Liên bang Nga có thể mạnh phát triển ngành công nghiệp luyện kim, hóa dầu.

c) Dầu mỏ và khí tự nhiên tập trung nhiều ở vùng Xi-bia.

d) Công nghiệp khai thác than phát triển mạnh ở vùng U-ran.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn

Câu 1. Việt Nam có diện tích 331.212 km², dân số năm 2019 là 96.208.984 người. Mật độ dân số nước ta năm 2019 là bao nhiêu? (làm tròn đến hàng đơn vị).

Câu 2. Biết tổng số dân của Thái Lan là 66 triệu người, sản lượng lúa là 35 triệu tấn (năm 2022). Hãy cho biết sản lượng lúa bình quân theo đầu người của Thái Lan năm 2021 là bao nhiêu kg/người? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Câu 3. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THÉP CỦA LIÊN BANG NGA 2010 - 2020

Năm	2010	2011	2020
Thép (triệu tấn)	59,2	68,1	73,8

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tốc độ tăng trưởng sản lượng thép của Liên bang Nga năm 2020 so với năm 2010.

Câu 4. Cho bảng số liệu

SỐ DÂN HOA KỲ GIAI ĐOẠN 2000-2020

(Đơn vị: triệu người)

Năm	2000	2010	2020
Số dân	282	309	331

Từ năm 2000 đến năm 2020 dân số Hoa Kỳ tăng bao nhiêu triệu người?

Câu 5. Năm 2020, tổng giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa của Liên bang Nga là 683,6 tỉ USD. Trong đó, giá trị xuất khẩu hàng hóa là 378,6 tỉ USD. Tính tỉ trọng giá trị xuất khẩu hàng hóa của Liên bang Nga trong tổng giá trị xuất nhập khẩu năm 2020.

Câu 6. Năm 2020, số dân của Hoa Kỳ là 331 triệu người, số dân thành thị là 275 triệu người. Tính tỉ lệ dân thành thị của Hoa Kỳ năm 2020.

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu.
- Giám thị không giải thích gì thêm